

Bản án số 242/2021/HC-PT

Ngày 23/11/2021

Về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Mai Xuân Thành, ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Tuyết Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 266/2021/TLPT-HC ngày 23/8/2021 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 459/2021/QĐ-PT ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Lê Thị B; địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 25/3/2020 của người khởi kiện là bà Hoàng Thị Kim H; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị B là Luật sư Võ Sỹ C
- Văn phòng Luật sư V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị, Luật sư C có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Trị;

2.2. Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Quảng Trị;

Do ông Võ Đắc H (Chủ tịch UBND huyện) có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, vắng;

3.2. Ông Dương Đức L; địa chỉ: Khu phố 10, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

3.3. Bà Dương Thị L; địa chỉ: Khu phố 08, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.4. Bà Dương Thị M; địa chỉ: Khu phố 10, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M là Luật sư Lê Tấn P - Văn phòng Luật sư P, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2020 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Lê Thị B trình bày:

Năm 1976, vợ chồng bà B (chồng bà B là ông Hoàng Văn H) nhận chuyển nhượng một diện tích đất hoang có nhiều mồ mả của vợ chồng ông Nguyễn Đắc N, bà Trương Thị G ở huyện G để canh tác và làm nhà ở. Khoảng trước năm 1990, bà B khai hoang mở rộng diện tích đất trồng cây lâu năm, quản lý và tôn tạo đất hàng năm, sử dụng liên tục ổn định và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Năm 1999, UBND huyện G tiến hành kiểm kê, đo đạc và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri 0 888478 cho hộ bà Lê Thị B diện tích 1.847m² tại Quyết định số 300/QĐ-UB ngày 06/7/1999. Ngày 07/7/2020, Thanh tra huyện G ban hành Kết luận số 01/KL-TTr về việc thẩm tra, xác minh việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0 888478 của hộ bà B, kết luận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0888478 cấp cho hộ bà B diện tích 168m² tại thửa 138, diện tích 524m² tại thửa 139, tờ bản đồ số 30, trong đó 115m² đất tại thửa 138 và 395,4m² tại thửa 139, tờ bản đồ số 30 có nguồn gốc của cụ Dương Đề (cha bà Dương Thị M) khai hoang, sử dụng trước năm 1975. Ngày 18/8/2020, UBND huyện G căn cứ Kết luận thanh tra số 01/KL-TTr đã ban hành Quyết định số 2707/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0 888478 mà UBND huyện G vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng đối tượng.

Năm 2012, bà M có Đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0 888478 ngày 06/7/1999 của UBND huyện G cấp cho hộ bà B. Tòa án nhân dân huyện G Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án vì thời hiệu khởi kiện đã hết. Bà M kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bác kháng cáo của bà M, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện G.

Ngày 27/8/2020, bà B có đơn khiếu nại đến UBND huyện G đề nghị UBND huyện G thu hồi Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 về thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0 888478 ngày 06/7/1999 của UBND huyện G cấp cho hộ bà B với diện tích 1.847m² tại Quyết định số 300/QĐ-UB ngày 06/7/1999. Ngày 14/10/2020, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3459/QĐ-UBND, không chấp nhận khiếu nại của bà B. Việc UBND huyện G ban hành Quyết định số 2707/QĐ-UBND và Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3459/QĐ-UBND làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B nên nay bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: - Hủy Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện G về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0888478 ngày 06/7/1999 của UBND huyện G cấp cho hộ bà Lê Thị B với diện tích 1.847m² tại Quyết định số 300/QĐ-UB ngày 06/7/1999; - Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3459/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện G.

- Người bị kiện là đại diện cho UBND huyện G và Chủ tịch UBND huyện G trình bày:

Căn cứ vào các Biên bản xác minh và ý kiến của các hộ dân sống gần đất tranh chấp thì một phần diện tích đất được giao theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0888478 ngày 06/7/1999 của hộ bà B (diện tích 115m² tại thửa số 138 và diện tích 395,4m² tại thửa 139, tờ bản đồ số 30) là đất của cụ Dương Đề là cha bà M khai hoang, sử dụng trước năm 1975. Năm 1993, cụ Đề chết, con cụ Đề là bà M, ông L và bà L tiếp tục sử dụng trồng hoa màu đến tháng 5/2008. Tháng 6/2008 do xảy ra tranh chấp nên thửa đất số 138 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 30 do bà B sử dụng cho đến nay.

Tại *Biên bản giải quyết tranh chấp đất đai* ngày 02/7/2008 của UBND thị trấn G thì bà B công nhận phần đất đó (diện tích 115m² tại thửa số 138 và diện tích 395,4m² tại thửa 139, tờ bản đồ số 30) của cha bà M; do đo đạc sai và bà B cũng không biết trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện G cấp cho bà B có diện tích đất của cha bà M; bà B đề nghị tách phần diện tích đất của bà M ra khỏi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà B; do đó, UBND thị trấn G kết luận trong vòng 05 ngày, bà B phải nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để UBND thị trấn G tách phần đất ra cho bà M. Tại *Biên bản làm việc* ngày 06/9/2011 của UBND thị trấn G thì bà B thay đổi ý kiến không đồng ý tách phần đất cho bà M.

Việc UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0 888478 ngày 06/7/1999 cho hộ bà B với diện tích 1.847m², trong đó: thửa đất số 138 có diện tích 115m² là đất màu trồng cây hàng năm và thửa đất số 139 có diện tích 395,4m² là đất trồng rừng sản xuất thuộc tờ bản đồ số 30 là đất của gia đình bà M, nhưng UBND huyện G cấp cho hộ bà B là không đúng quy định tại mục I, phần II, Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính. Việc UBND huyện G ban hành Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0888478 ngày 06/7/1999 của UBND huyện G cấp cho hộ bà B vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng đối tượng là đúng quy định của pháp luật. Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3459/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 không chấp nhận khiếu nại của bà B là có cơ sở, đúng trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị M, bà Dương Thị L và ông Dương Đức L trình bày:* Nguồn gốc thửa đất số 138, số 139 tờ bản đồ số 30 có phần mộ của tổ tiên gia đình bà M để lại nên bà M, ông L và bà L có quyền thừa hưởng, nhưng UBND huyện G nhầm lẫn cấp cho hộ bà Lê Thị B. Tại *Biên bản làm việc* do UBND thị trấn G tiến hành ngày 02/7/2008 bà B thừa nhận thửa đất trên là của gia tộc bà M để lại, do trình cán bộ đo sai nên bà B đề nghị tách phần đất đó trả lại bà M và UBND thị trấn G yêu cầu trong vòng 05 ngày bà B đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến UBND thị trấn G để UBND thị trấn G tách phần đất đó cho bà M, nhưng bà B không thực hiện. Vì vậy, bà B tiếp tục có đơn khiếu nại, nhưng Tòa án không giải quyết vì thời hiệu khởi kiện không còn. Căn cứ Điều 160 BLDS và Điều 106 Luật đất đai năm 2013 bà B tiếp tục khiếu nại. Ngày 18/8/2020 UBND huyện G ban hành Quyết định số 2707/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0888478 ngày 06/7/1999 của UBND huyện G cấp cho hộ bà Lê Thị B vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng đối

thương là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 3459/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện G và Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện G về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0888478 ngày 06/7/1999 của UBND huyện G cấp cho hộ bà Lê Thị B.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 18/6/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 36 Luật đất đai năm 1993; điểm g khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 105, điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 18, Điều 30, Điều 31 Luật khiếu nại. Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B:

- *Hủy Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện G về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0888478 ngày 06/7/1999 của bà Lê Thị B.*

- *Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3459/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện G về việc không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Lê Thị B.*

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Buộc UBND huyện G phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm và số tiền 1.630.000đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Buộc Chủ tịch UBND huyện G phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm và số tiền 1.630.000đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do bà Lê Thị B nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên UBND huyện G và Chủ tịch UBND huyện G hoàn trả số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ trên cho bà Lê Thị B.

Hoàn trả cho bà Lê Thị B số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 000784 ngày 01/12/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Trong Đơn kháng cáo đề ngày 28/6/2021 và Đơn kháng cáo bổ sung đề ngày 24/7/2021, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị M, ông Dương Đức L và bà Dương Thị L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà B, giữ nguyên Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0888478 mà UBND huyện G cấp cho hộ bà Lê Thị B ngày 06/7/1999 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 3459/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện G.

- Trong Đơn kháng cáo đề ngày 21/6/2021 và Đơn kháng cáo bổ sung ngày 06/9/2021, UBND huyện G đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà B.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người bị kiện là UBND huyện G và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị M, ông Dương Đức L và bà Dương Thị L đều giữ nguyên kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp phúc thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của Người bị kiện và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện G thu hồi *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri **0** 888478 mà UBND huyện G đã cấp cho *hộ bà Lê Thị B* ngày 06/7/1999 (chỉnh lý sang tên bà Lê Thị B tại trang 4 của *Giấy chứng nhận* ngày 30/5/2016) và Quyết định giải quyết khiếu nại số 3459/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện G (không chấp nhận khiếu nại của bà Lê Thị B về việc bị UBND huyện G hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*) là các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Ngày 07/11/2020 bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy 2 Quyết định này và Tòa án nhân tỉnh Quảng Trị thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính 2015.

Về nội dung:

[2] Theo nội dung *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri **0** 888478 do UBND huyện G cấp cho *hộ bà Lê Thị B* ngày 06/7/1999 (chỉnh lý sang tên bà Lê Thị B tại trang 4 của *Giấy chứng nhận* ngày 30/5/2016) thì bà Lê Thị B có quyền sử dụng nhiều thửa đất có tổng diện tích 1.847m², tờ bản đồ số 35, 30 thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị; trong đó tại tờ bản đồ số 30 có thửa đất số 138, diện tích 168m² loại đất màu (*đất trồng cây hàng năm*) và thửa số 139 diện tích 524m² loại đất RTS (*đất trồng rừng sản xuất*). Theo bà Dương Thị M (hộ sử dụng đất liền kề bà B) thì năm 2008, bà M di dời các ngôi mộ người thân ra khỏi đất của mình thì phát hiện đất của mình đã bị UBND huyện G cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* vào năm 1999 cho hộ bà Lê Thị B có số thửa 138 và 139, nên bà M khiếu nại đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn G giải quyết. Tại *Biên bản cuộc họp giải quyết*

tranh chấp do Chủ tịch UBND thị trấn G chủ trì ngày 02/7/2008 đã ghi ý kiến của Bà Lê Thị B: “Tôi công nhận phần đất đó là đất của cha ông bà M để lại. Do quá trình đo đạc sai của cán bộ, Tôi cũng không biết trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tôi có diện tích đất của cha ông bà M, Tôi đề nghị tách diện tích trong đơn ra khỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tôi do quá trình đo đạc sai”, UBND thị trấn kết luận: “Bà B thừa nhận phần đất đã nêu trong Đơn (ngày 16/6/2007) là của bà M do quá trình đo đạc đã cấp sai. Trong 05 ngày, bà B có trách nhiệm đưa sổ đỏ đất màu đến Ủy ban nhân dân Thị trấn G để tách phần đất của bà M” (Biên bản họp có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp, chữ ký của Bà Lê Thị B, bà Dương Thị M và đóng dấu của Ủy ban nhân dân thị trấn G – bút lục 48).

[3] Do bà Lê Thị B không thực hiện kết luận tại *Biên bản cuộc họp giải quyết tranh chấp* ngày 02/7/2008 nên bà M gửi nhiều đơn khiếu nại. Tại *Biên bản làm việc về giải quyết khiếu nại của công dân* ngày 06/9/2011 do Phó Chủ tịch UBND thị trấn G chủ trì, gồm đại diện các ngành liên quan như Địa chính, Tư pháp, Mặt trận, bà Dương Thị M và bà Lê Thị B, bà B trình bày: “Tôi về ở tại Khu phố 6 thị trấn G từ tháng năm 1975 và Tôi biết rõ diện tích đất của gia đình Tôi. Thừa đất mà trong đơn ngày 28/6/2011 là của bà M, nhưng do quá trình đo đạc của cán bộ đã đo nhầm vào cho gia đình Tôi... Thừa đất đó là của gia đình bà M nhưng hiện tại đã nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình Tôi. Tôi không đồng ý để các cơ quan chức năng tách phần đất trên ra cho bà M”, sau khi nghe ý kiến của các ngành liên quan, Chủ tịch UBND thị trấn G kết luận: “Nội dung giải quyết đơn khiếu nại của Bà Dương Thị M không thành. Vậy Ủy ban nhân dân thị trấn G đề nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết” (bút lục 47). Ông Hoàng Xuân L - Nguyên chủ nhiệm HTX H (nay đã chết) xác nhận vào Tờ Trình ngày 16/6/2008 của bà Dương Thị M như sau: “Theo Tờ trình của bà M là đúng sự thật. Từ khi thành lập Hợp tác xã H chưa có chủ trương thu hồi đất, chỉ quản lý ruộng cho nên thừa đất của bà M, Hợp tác xã vẫn để cho bà M sản xuất sử dụng” (bút lục 127).

[4] Như vậy, bà Lê Thị B đã thừa nhận UBND huyện G cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri 0 888478 ngày 06/7/1999 cho hộ bà B có sự nhầm lẫn vì cấp cho hộ bà B quyền sử dụng diện tích của hộ gia đình bà Dương Thị M (do cụ Dương Đề cha bà M khai hoang, sử dụng từ trước năm 1975 để lại cho các con là bà M, ông L và bà L). Luật Đất đai năm 2013, Điều 106 về đính chính, thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp quy định: “...2. Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây: ...d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất...3. Việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 105 của Luật này quyết định sau khi đã có kết luận của cơ quan thanh tra cùng cấp, văn bản có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp đất đai”. Điểm b khoản 4 Điều 87 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định “...nếu kết luận là Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp

luật thì thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do; sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho người sử dụng đất mà không có đơn khiếu nại thì ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp”. Do bà B cô tình không thực hiện kết luận tại Biên bản cuộc họp giải quyết tranh chấp do Chủ tịch UBND thị trấn G chủ trì ngày 02/7/2008 (có sự tham gia và đồng ý của bà B), trong khi bà Dương Thị M liên tục gửi nhiều đơn khiếu nại nên Tỉnh ủy và UBND tỉnh Quảng Trị có nhiều văn bản chỉ đạo UBND huyện G điều chỉnh lại phần đất của bà M đã cấp nhằm quyền sử dụng đất cho bà B. Sau khi giao các cơ quan chức năng rà soát nguồn gốc thì ngày 18/8/2020 UBND huyện G ban hành Quyết định số 2707/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri 0 888478 cấp ngày 06/9/1999 cho hộ bà Lê Thị B là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Bà Lê Thị B khiếu nại, ngày 14/10/2020 Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3459/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của bà Lê Thị B, giữ nguyên Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện G là có cơ sở, đúng pháp luật.

[5] Đối với nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm {cho rằng “tháng 7/2012, bà M đã khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0 888478 ngày 06/7/1999 của hộ bà Lê Thị B. Ngày 27/02/2013, Tòa án nhân dân huyện G ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/QĐST-HC do thời hiệu khởi kiện đã hết. Ngày 11/4/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 01/2013/QĐHC-PT giải quyết kháng cáo của bà Dương Thị M và bác kháng cáo của bà M, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/QĐST-HC ngày 27/02/2013 của Tòa án nhân dân huyện G. Ngày 15/11/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Thông báo số 14/TB-HC về việc giải quyết đơn đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm của bà M và thông báo không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với Quyết định số 01/2013/QĐHC-PT ngày 11/4/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị vì thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính đã hết”, từ đó cho rằng việc UBND huyện G ban hành Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri 0 888478 cấp cho hộ bà B ngày 06/7/1999 và Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3459/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 không chấp nhận khiếu nại của bà Lê Thị B là không có cơ sở}, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri 0 888478 mà UBND huyện G cấp cho hộ bà Lê Thị B ngày 06/7/1999 khi đã hết thời hiệu khởi kiện nên Tòa án chỉ đình chỉ giải quyết vụ án mà không có thẩm quyền xem xét trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri 0 888478 cho hộ bà Lê Thị B có đúng quy định của pháp luật hay không? còn việc UBND huyện G ban hành Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri 0 888478 đã cấp cho hộ bà B ngày 06/7/1999 là đúng thẩm quyền, có cơ sở theo đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 106, Luật Đất đai năm 2013 nên nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là nhầm lẫn khi áp dụng pháp luật.

[6] Từ các mục nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của UBND huyện G, sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, theo hướng bác

yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B (yêu cầu hủy Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện G và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3459/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện G). Ủy ban nhân dân huyện G không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp; bà Dương Thị M kháng cáo được chấp nhận nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, cụ thể:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015 chấp nhận kháng cáo của UBND huyện G, sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, cụ thể:

Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Luật đất đai 2013; Điểm b khoản 4 Điều 87 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2004 của Chính phủ; khoản 1 Điều 18, Điều 30, Điều 31 Luật khiếu nại.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 348, khoản 2 Điều 349, khoản 1 Điều 358 của Luật tổ tụng hành chính 2015; căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B (yêu cầu hủy Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện G về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri 0 888478 ngày 06/7/1999 của bà Lê Thị B và yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3459/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện G về việc không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Lê Thị B).

2. Về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí tố tụng:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện G và Chủ tịch UBND huyện G không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đo vẽ.

2.2. Bà Lê Thị B phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đo vẽ tổng cộng 3.260.000 đồng, bà Lê Thị B đã nộp và đã chi xong.

2.3. Bà Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 000784 ngày 01/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị thì bà B đã thi hành xong khoản tiền này.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm:

3.1. Hoàn trả bà Dương Thị M 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 000858 ngày 28/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3.2. Hoàn trả UBND huyện G 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 000862 ngày 03/8/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị
(để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân